

Quyết định số: 32/2019/HS-GĐT
Ngày 28 tháng 8 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Phó Chánh án - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Ngọc Hà**.

Thành viên Hội đồng giám đốc thẩm: Ông **Vũ Thanh Liêm** và ông **Đặng Kim Nhân**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Vũ Thắng** - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Quách Đức Dũng** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hình sự đối với:

1. Trần Ngọc N, sinh ngày 11/11/1997, tại Gia Lai; địa chỉ cư trú: Tổ 6, phường Tr, thành phố P3, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 11/12; con ông Trần Ngọc Kh và bà Nguyễn Thị Minh Ph1; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 17/9/2015, đến ngày 26/9/2015 được thay đổi biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Ba Đường), sinh ngày 04/02/1995, tại Gia Lai; địa chỉ cư trú: Tổ 11, phường T5, thành phố P3, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: thợ sơn xe ô tô; trình độ văn hoá: 11/12; con ông Nguyễn Văn H11 và bà Giang N3; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 05/01/2016, đến ngày 03/02/2016 được thay đổi biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Hồ Quốc T1, sinh ngày 25/9/1998, tại Gia Lai; địa chỉ cư trú: Làng Pleiku Ngó, phường Tr, thành phố P3, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hoá: 11/12; con ông Hồ Văn C và bà Trần Thị Kim L3; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 30/12/2015, đến ngày 03/02/2016 được thay đổi biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Đỗ Tấn L, sinh ngày 03/01/1995, tại Gia Lai; địa chỉ cư trú: Tổ 13, phường P5, thành phố P3, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: thợ điện; trình độ văn hoá: 6/12; con ông Đỗ Văn T7 và bà Dương Thị D2; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 07/01/2016.

5. Nguyễn Thành C (tên gọi khác: Cu Ky), sinh ngày 16/02/1990, tại Gia Lai; địa chỉ cư trú: Tổ 13, phường P5, thành phố P3, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá: 9/12; con ông Nguyễn Tuấn Đ2 và bà Trảo Thị H12.

Tiền án: Ngày 16/6/2009, Tòa án nhân dân thành phố P3, tỉnh Gia Lai, xử phạt 60 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và 06 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 66 tháng tù (chấp hành án xong hình phạt tù ngày 16/10/2013); bị bắt tạm giam ngày 25/12/2015.

6. Nguyễn Đức P, sinh ngày 21/3/1997, tại Hà Nam; địa chỉ cư trú: Tổ 02, phường Tr, thành phố P3, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: học sinh; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Nguyễn Văn H7 và bà Trần Thị T4; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 04/01/2016.

7. Nguyễn Đức H1, sinh ngày 21/3/1997, tại Hà Nam; địa chỉ cư trú: Tổ 02, phường Tr, thành phố P3, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: học sinh; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Nguyễn Văn H7 và bà Trần Thị T4; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 04/01/2016.

8. Trần Đình P1, sinh ngày 09/6/1997, tại Gia Lai; địa chỉ cư trú: Tổ 5, phường Tr, thành phố P3, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: học sinh; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Trần Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị Kim C1; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 05/01/2016.

(Vụ án còn có các bị cáo Bùi Văn T2, Nguyễn Thanh Th, Dương Văn Th1, Nguyễn Ngọc H4, Võ Đăng N1, Võ Công H2, Nguyễn Hoàng V, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Văn L1 và Nguyễn Xuân H3 đều bị kết án về tội “Cố ý gây thương tích”).

- Người bị hại:

1. Anh Lê Tấn Q1, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: Thôn 1, xã A, thành phố P3, tỉnh Gia Lai.

2. Anh Nguyễn Quốc A3, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Thôn 2, xã A, thành phố P3, tỉnh Gia Lai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn Đ1, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: tổ 5, phường Tr, thành phố P3, tỉnh Gia Lai.

2. Bà Nguyễn Thị Kim C1, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: tổ 5, phường Tr, thành phố P3, tỉnh Gia Lai.

3. Ông Nguyễn Văn H7, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Tổ 2, phường Tr, thành phố P3, tỉnh Gia Lai.

4. Bà Trần Thị T4, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Tổ 2, phường Tr, thành phố P3, tỉnh Gia Lai.

5. Chị Nguyễn Thị G1, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Thôn 9, xã A, thành phố P3, tỉnh Gia Lai.

6. Bà Hàn Thị L2, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: tổ 7, phường Tr, thành phố P3, tỉnh Gia Lai.

7. Chị Trần Thị Kim L3, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Số 1200, Trường Chinh, tổ 1, phường Chi Lăng, thành phố P3, tỉnh Gia Lai.

8. Anh Trần Ngọc Kh, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Tổ 6, phường Tr, thành phố P3, tỉnh Gia Lai.
9. Bà Giang N3, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Tổ 11, phường T5, thành phố P3, tỉnh Gia Lai.
10. Bà Nguyễn Thị Hồ D1, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Tổ 6, phường Tr, thành phố P3, tỉnh Gia Lai.
11. Bà Trà Thị H8, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: Thôn 6, xã A, thành phố P3, tỉnh Gia Lai.
12. Chị Nguyễn Thị Thu T6, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Thôn 6, xã A, thành phố P3, tỉnh Gia Lai.
13. Ông Võ Văn R, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Thôn 7, xã A, thành phố P3, tỉnh Gia Lai.
14. Anh Nguyễn Thanh V2, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Tổ 3, phường TL, thành phố P3, tỉnh Gia Lai.
15. Ông Nguyễn Tuấn Đ2, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: tổ 13, phường P5, thành phố P3, tỉnh Gia Lai.
16. Chị Mai Thị Tuyết H9, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Thôn 2, xã A, thành phố P3, tỉnh Gia Lai.
17. Chị Nguyễn Thị H4, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: tổ 8, phường TL, thành phố P3, tỉnh Gia Lai.
18. Chị Lê Hoàng Kim Y1, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Thôn 1, xã A, thành phố P3, tỉnh Gia Lai.
19. Anh Phan Thanh H10, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Thôn 1, xã A, thành phố P3, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Khoảng 10 giờ ngày 03/4/2015, Nguyễn Văn N1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81FD-5988 đến cổng Trường tiểu học N2 (thành phố P3) để đón em đi học về. Lúc này, có một nhóm thanh niên (chưa xác định được họ tên, địa chỉ) mang theo hung khí, đi từ 04 đến 05 xe máy đến đuổi đánh N1. N1 chạy vào trong Trường tiểu học trốn và để xe máy bên ngoài cổng trường, thì bị nhóm thanh niên này đập phá, làm hư hỏng phần vỏ nhựa xe máy. Do sợ bị đánh, N1 điện thoại nhờ Bùi Văn T2 đến trường tiểu học để chở N1 về. Một lúc sau, T2 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81K9-0896 đến cổng Trường chở N1 về nhà của T2. Sau đó, T2 nảy sinh ý định tập hợp bạn bè để đi đánh lại nhóm thanh niên ở A1 để trả thù cho N1.

Khoảng 18 giờ cùng ngày, T2 điều khiển xe mô tô đến tiệm Internet ở gần chợ A2 gặp Nguyễn Thanh Th, T2 rủ Th đi tìm thanh niên ở A1 để đánh, Th đồng ý. T2 chở Th đến nhà V rồi rủ V đi đánh nhau, V đồng ý và ngồi lên xe mô tô để T2 chở Th và V đến quán cà phê NX ở xã C2, thành phố P3. Đến nơi, T2 điện thoại rủ Nguyễn Xuân H3 đến uống cà phê. Tại đây, T2 nhờ H3 rủ nhóm bạn của H3 tìm thanh niên ở A1 để đánh. H3 điện thoại rủ Trần Đình P1, P1 điện thoại rủ Nguyễn Đức P và Nguyễn Thanh M. Nguyễn Đức P rủ thêm em trai là Nguyễn Đức H1 cùng đến

nhà P1. Sau đó, P1 điều khiển xe mô tô cùng Nguyễn Đức P và Nguyễn Đức H1 chạy xuống quán cà phê NX. Khi đến đoạn đường đối diện ngã ba giữa đường LD với đường ADV (phường TL, thành phố P3) thì thấy Nguyễn Thanh M đang đứng đợi, P dừng xe lại chờ M rồi cùng P1 chạy đến quán cà phê NX uống cà phê cùng với T2, Th, V và H3. Sau khi uống cà phê, T2 rủ Th, V, P1, M, P và Nguyễn Đức H1 đi tìm thanh niên A1 để đánh thì tất cả đồng ý, còn H3 do bận việc riêng nên đi về.

Nguyễn Thanh Th chở Bùi Văn T2 dẫn Nguyễn Hoàng V, Trần Đình P1, Nguyễn Đức P, Nguyễn Đức H1 và Nguyễn Thanh M đi vào nghĩa địa (thôn 06, xã A, thành phố P3). Tại đây, T2 ôm một bó hung khí đã giấu sẵn từ trước trong bụi cây ra (khoảng 10 đoạn cây tre và gỗ, mỗi đoạn dài khoảng từ 80 cm đến 01 mét; 01 mã tấu dài khoảng 80 cm và 03 dao rựa, mỗi dao dài khoảng từ 70 cm đến 01 mét) đem ra ngoài. T2 cầm 01 mã tấu, M cầm 01 dao rựa, V cầm 01 đoạn cây tre rồi tất cả cùng lên xe chạy theo T2 đi theo hướng xuống huyện Đ3, tỉnh Gia Lai. Khi đi đến ngã ba thì P1, V, P, M và Nguyễn Đức H1 chờ nhau chạy rẽ vào đường thôn 2, xã A, thành phố P3, còn Th chở T2 đi theo đường Quốc lộ 19, hướng về huyện Đ3.

Khi P1, V, P, M và Nguyễn Đức H1 chạy đến trước quán Internet 179 (do chị Trần Thị A1 làm chủ), thì thấy trước quán có một số thanh niên đang ngồi, nên tất cả dừng xe lại. Thấy vậy, chị Mỹ đóng cổng, không cho P1, V, P, M và Nguyễn Đức H1 vào trong quán, từ đó giữa nhóm của P1 và chị Mỹ có nói qua nói lại. Sau đó, P1 chở V, P chở M và Nguyễn Đức H1 đi về hướng trung tâm thành phố P3. Khi đến cây xăng A1, P1 và P dừng xe lại đứng đợi T2 và Th. Đối với T2 và Th, khi đi đến chân dốc A1 không tìm được ai để đánh, nên điều khiển xe chạy đến cây xăng A1 thì gặp P1, V, P, M và Nguyễn Đức H1 đang đứng đợi. T2 gọi tất cả cùng đi theo T2 và Th đến nghĩa địa (thôn 06, xã A, thành phố P3), T2 lấy lại số hung khí đã đem theo, cất giấu vào bụi cây ở nghĩa địa này rồi cả nhóm đi về.

Khoảng 18 giờ ngày 04/4/2015, Bùi Văn T2 rủ Nguyễn Thanh Th2M tiếp tục đi tìm đánh nhóm thanh niên ở A1. Th đồng ý và điều khiển xe mô tô chở T2 đi đến cổng chào (thôn 06, xã A, thành phố P3) thì gặp Dương Văn Th1 và vợ của Th1. T2 rủ Th1 đi đánh nhau, Th1 đồng ý nên nói vợ đi về nhà trước. Khi T2, Th và Th1 chạy xe ngang qua tiệm tạp hóa của bà Năm S2 (thôn 06, xã A, thành phố P3) thì gặp Nguyễn Hoàng V1, Võ Công H2, Nguyễn Văn L1, Cù Minh Tr1 và Đặng Quang Triều đang ngồi chơi tại đây. Th dừng xe lại để T2 rủ V, L1 và Võ Công H2 đi đánh nhau và hẹn gặp V, L1 và H2 ở nghĩa địa (riêng Tr1 và Triều, thì T2 không rủ). Lúc này, Th chở T2 và Th1 đi đến nghĩa địa trước, sau đó T2 điều khiển xe mô tô quay lại chở V, L1 và H2 đến nghĩa địa. Tiếp đó, T2 điều khiển xe mô tô đến tiệm Internet Vip 2 (cổng chợ A2, xã A, thành phố P3) để gặp Nguyễn Xuân H3 (do trước đó, T2 đã nhờ H3 gọi nhóm bạn của H3 giúp nhóm của T2 đi đánh nhau). H3 điện thoại rủ Trần Ngọc N, N điện thoại rủ Nguyễn Văn T, Võ Đăng N1, Nguyễn Thành C, Đỗ Tấn L, Nguyễn Ngọc H4, Hồ Quốc T1 và Trần Đình P1. Sau khi được N rủ, Trần Đình P1 điện thoại rủ Nguyễn Đức P, P rủ Nguyễn Đức H1. N hẹn tất cả sẽ gặp nhau tại cổng chào ở đường HTCC (tổ 13, phường P5, thành phố P3) rồi cùng đi. Sau đó, N đi bộ đến gara ô tô AL ở số 36, Phạm Ngũ Lão, tổ 6, phường Tr, thành phố P3 (nơi Nguyễn Văn T và Võ Đăng N1 học nghề) để gặp T và N1. Tại đây, T điều khiển xe mô tô chở N và N1 đến cổng chào. Đợi một lúc, không thấy ai đến như đã hẹn, nên N nói T điều khiển xe mô tô chở N và Võ Đăng N1 đi trước và

gặp Bùi Văn T2, Nguyễn Xuân H3 đang đứng trước quán Internet Vip 2, nên N, T và N1 dừng xe lại đứng chơi cùng T2, H3. Đối với Nguyễn Thành C, Đỗ Tấn L, Nguyễn Ngọc H4, Hồ Quốc T1, Trần Đình P1, Nguyễn Đức P và Nguyễn Đức H1 đi đến cổng chào đợi N. Lúc sau, N điện thoại cho T1 nói là N đã xuống A2 trước và nhờ T1 nói lại với số anh em cùng đi xuống A2 gặp N.

Sau khi gặp nhau, T2 điều khiển xe mô tô chở H3 dẫn nhóm bạn của N cùng đi đến nghĩa địa để gặp nhóm bạn của T2 là Th, Th1, V, L1 và Võ Công H2 đang chờ. Tại đây, H3 điện thoại thì biết Nguyễn Thanh M đang ở nhà, nên H3 điều khiển xe mô tô của T2 đi chở M đến nghĩa địa. Cùng lúc này, Cù Minh Tr1 và Đặng Quang Triều cũng đi bộ đến nghĩa địa, nhưng thấy có đông người nên bỏ về, sau đó có Hải (chưa xác định được họ tên, địa chỉ) là bạn của Th1 điều khiển xe Wave đỏ (không xác định được biển kiểm soát) cũng đến nghĩa địa. Khi thấy đã có mặt đầy đủ, T2 ôm ra một bó hung khí gồm mã tấu, dao rựa, các đoạn tre và gỗ mà đã cất giấu từ tối hôm trước trong bụi cây ở gần đó bỏ xuống đất. T2 nhặt 01 mã tấu (dài khoảng 80 cm, có chuôi bằng tre), Th1 nhặt 01 dao rựa (dài khoảng 70 cm, có chuôi bằng tre), T1 nhặt 01 đoạn cây gỗ (dài khoảng 80 cm), Võ Công H2 nhặt 01 đoạn cây tre (dài khoảng 01 mét), L1 nhặt 01 đoạn cây gỗ (dài khoảng 80 cm), M nhặt 01 dao rựa (dài khoảng 01 mét, có chuôi bằng tre) và N nhặt 01 đoạn cây gỗ (dài khoảng 70 cm), sau đó T2 nói cả nhóm lên xe đi tìm nhóm thanh niên ở A1 để đánh. Th điều khiển xe mô tô chở T2 chạy trước; V chở Hải và Th1 bằng xe Wave màu đỏ của H2; T điều khiển xe mô tô chở N, N1 và Võ Công H2; L điều khiển xe mô tô chở C; P1 điều khiển xe mô tô chở H3; P điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Đức H1 và Nguyễn Thanh M; H4 điều khiển xe mô tô chở T1 và L1 đi theo sau xe của T2.

Khi đi đến tiệm cắt tóc HY (thôn 01, xã A, thành phố P3), thấy anh Lê Tấn Q1 đang ngồi chơi trước tiệm cắt tóc, T2 nói Th dừng xe lại rồi cầm mã tấu nhảy xuống, xông đến chém 01 nhát trúng vào cổ bàn tay trái của anh Q1, anh Q1 bỏ chạy ra phía sau nhà trốn, T2 liền dùng mã tấu đập vào tủ kính trong tiệm hớt tóc của chị Lê Hoàng Kim làm bể 05 tấm kính. Sau đó, cầm mã tấu đi ra đường, lên xe để Th chở quay đầu xe lại, đồng thời hô hào cả nhóm đi theo T2 về hướng thành phố P3 để tiếp tục tìm người để đánh. Khi đi đến cây xăng A1, thì bị một nhóm thanh niên (chưa xác định được họ tên, địa chỉ) đứng trong đường hẻm ném đá vào nhóm T2. Thấy vậy, Th dừng xe lại, T2 cầm mã tấu nhảy xuống xe, thì nhóm thanh niên này bỏ chạy vào đường hẻm. Lúc này, T2 thấy có một số thanh niên chạy về phía sau quán nhậu Cây Trứng Cá, nên T2 nghĩ số thanh niên này sẽ chạy đến quán cà phê BM (đối diện quán nhậu Cây Trứng Cá), do đó T2 nói Th chạy đến quán cà phê BM để tìm đánh những thanh niên vừa ném đá vào nhóm của mình.

Khi đến quán cà phê BM, T2 nhìn thấy anh Nguyễn Quốc A3 đang ngồi uống cà phê ở trong quán. Cho rằng anh A3 là một trong số những người vừa ném đá vào nhóm của mình, nên T2 nói Th dừng xe, cả nhóm thấy vậy cũng dừng xe lại trước quán cà phê BM. T2 cầm mã tấu rồi cùng Th1 cầm dao rựa xông vào quán, T2 chém anh Nguyễn Quốc A3 một nhát theo hướng từ trên xuống, anh A3 đưa tay phải lên đỡ, thì bị chém trúng vào đầu và cẳng tay phải, anh A3 bỏ chạy vào trong phòng của quán cà phê, T2 đuổi theo nhưng không chém được, nên T2 và Th1 đi ra ngoài, lên xe của Th rồi nói với cả nhóm: “Đi từ từ, đừng để rớt lại ai”. Khi đến đoạn cổng

chào của khu du lịch ĐX, thấy lực lượng Công an xã A rọi đèn pin, T2 hô: “Công an, Công an, chạy” nên cả nhóm tăng ga xe chạy về hướng thành phố P3.

Đến ngày 08/6/2015, Nguyễn Thanh Th2 bị Công an huyện M2, tỉnh Gia Lai bắt theo Quyết định truy nã về hành vi “Cố ý gây thương tích”; ngày 10/6/2015, Bùi Văn T2 bị bắt; ngày 11/6/2015, Nguyễn Hoàng V1 ra đầu thú; ngày 15/6/2015, Nguyễn Thanh M ra đầu thú; ngày 16/6/2015, Dương Văn Th1 ra đầu thú; ngày 21/7/2015, Nguyễn Văn L1 ra đầu thú; ngày 17/9/2015, Trần Ngọc N ra đầu thú; ngày 17/11/2015, Võ Công H2 ra đầu thú; ngày 19/11/2015, Nguyễn Xuân H3 ra đầu thú; ngày 25/12/2015, Nguyễn Thành C ra đầu thú; ngày 28/12/2015, Nguyễn Ngọc H4 ra đầu thú; ngày 29/12/2015, Võ Đăng N1 ra đầu thú; ngày 30/12/2015, Hồ Quốc T1 ra đầu thú; ngày 04/01/2016, Nguyễn Đức P và Nguyễn Đức H1 bị bắt; ngày 05/01/2016, Trần Đình P1 bị bắt; ngày 05/01/2016, Nguyễn Văn T bị bắt và ngày 07/01/2016, Đỗ Tấn L ra đầu thú.

Tại Bản kết luận giám định pháp y số 99/TTPY ngày 12/5/2015, Trung T2 pháp y tỉnh Gia Lai kết luận về thương tích đối với anh Nguyễn Quốc A3:

“Một vết sẹo mổ trên nền vết thương từ giữa trán sát chân tóc vòng qua thái dương phải dài (17 x 0,2) cm, sẹo liền, dưới vết sẹo mổ có một vùng khuyết xương sọ kích thước (7 x 5) cm, đáy mềm, không có mạch đập bên dưới, không yếu liệt chi: 33% (M 5.3-T12).

- Hai sẹo vết thương phần mềm: Một vết vùng trán thái dương phải kích thước khoảng 12 cm và một vết mặt ngoài 1/3 giữa cẳng tay phải kích thước (4 x 1) cm, sẹo liền xấu: 2% (MI.1-T63).

Tổng cộng: 34%”.

Tại Bản kết luận giám định pháp y số 96/TTPY ngày 22/5/2015, Trung tâm pháp y tỉnh Gia Lai kết luận về thương tích đối với anh Lê Tấn Q1:

“Tổn thương thần kinh giữa bên trái mức độ rất nặng gần như hoàn toàn, định khu ở cổ tay trên chỗ chia nhánh cho cơ dạng ngón I, sau điều trị teo cơ cẳng tay trái 3cm so với bên phải, teo cơ các ngón tay ở mặt mu, co duỗi các ngón I, II, III, IV, V hạn chế, giảm cảm giác ngón III, IV, V mặt lòng: 21% (M 3.21-T16).

- Tổn thương hoàn toàn nhánh DEEP PALMAR MOTOR thuộc thần kinh trụ: 11% (M 3.17-T16).

- Gãy đốt đầu gần xương bàn IV bên trái sau điều trị xương đang can liên thangka trực: 6% (MIII.4.1-T48).

- Một sẹo vết thương phần mềm từ nếp lằn cổ tay trái xuống đến khớp đốt bàn ngón V dài (10 x 0,2)cm: 3% (MI.1-T63).

Tổng cộng: 36%”.

Qua định giá đối với số kính bị hư hỏng do bị cáo Bùi Văn T2 đập phá, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố P3 kết luận:

“02 tấm kính màu xanh, loại kính dày 03 mm, kích thước mỗi tấm (0,6 x 1,5) m, có tổng giá trị 300.000 đồng; 01 tấm kính màu trắng, loại kính dày 03 mm, kích thước (1,1 x 01) m, có giá trị 150.000 đồng; 01 tấm kính màu trắng, loại kính dày 03 mm, kích thước (0,3 x 1,1) m, có giá trị 100.000 đồng; 01 tấm kính màu trắng, loại kính dày 03 mm, kích thước (0,3 x 01) m, có giá trị 100.000 đồng. Tổng giá trị bị thiệt hại 650.000 đồng”.

Tại Kết luận điều tra số 32/KLĐT ngày 05/01/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P3 đề nghị truy tố các bị can: Bùi Văn T2, Dương Văn Th1, Nguyễn Thanh Th, Nguyễn Hoàng V, Nguyễn Văn L1, Võ Công H2, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Xuân H3, Trần Ngọc N, Nguyễn Văn T, Võ Đăng N1, Nguyễn Thành C, Nguyễn Ngọc H4, Hồ Quốc T1, Trần Đình P1, Nguyễn Đức P và Nguyễn Đức H1 về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Ngày 16/01/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P3 ban hành Văn bản số 287/CVĐT về việc rút hồ sơ để điều tra bổ sung (khởi tố bổ sung đối với Đỗ Tấn L).

Tại Kết luận điều tra bổ sung số 05/KLĐT ngày 21/3/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P3 đề nghị truy tố các bị can: Bùi Văn T2, Dương Văn Th1, Nguyễn Thanh Th, Nguyễn Hoàng V, Nguyễn Văn L1, Võ Công H2, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Xuân H3, Trần Ngọc N, Nguyễn Văn T, Võ Đăng N1, Nguyễn Thành C, Đỗ Tấn L, Nguyễn Ngọc H4, Hồ Quốc T1, Trần Đình P1, Nguyễn Đức P và Nguyễn Đức H1, về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Ngày 22/4/2016, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố P3 ban hành Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 08/KSĐT-TA, với nội dung: *Xác định rõ, những bị can nào đã cùng đi tìm nhóm thanh niên ở xã A, thành phố Pleiku để gây thương tích vào tối ngày 03/4/2015 và một số nội dung khác.*

Tại Kết luận điều tra bổ sung số 09/KLĐT ngày 23/6/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P3 đề nghị truy tố các bị can: Bùi Văn T2, Dương Văn Th1, Nguyễn Thanh Th, Nguyễn Hoàng V, Nguyễn Văn L1, Võ Công H2, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Xuân H3, Trần Ngọc N, Nguyễn Văn T, Võ Đăng N1, Nguyễn Thành C, Đỗ Tấn L, Nguyễn Ngọc H4, Hồ Quốc T1, Trần Đình P1, Nguyễn Đức P và Nguyễn Đức H1, về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại Cáo trạng số 131/KSĐT-TA ngày 05/8/2016, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố P3 truy tố: Bùi Văn T2, Nguyễn Thanh Th, Dương Văn Th1, Nguyễn Hoàng V, Nguyễn Xuân H3, Trần Ngọc N, Trần Đình P1, Nguyễn Đức P, Nguyễn Đức H1, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Ngọc H4, Đỗ Tấn L, Nguyễn Văn L1, Võ Công H2, Nguyễn Thành C, Hồ Quốc T1 và Võ Đăng N1, về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Ngày 29/9/2016, Tòa án nhân dân thành phố P3 ban hành Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 09/2016/HSST-QĐ, với nội dung: *Làm rõ nguyên nhân vì sao lời khai của các bị can Trần Đình P1, Nguyễn Đức P và Nguyễn Đức H1 không đồng nhất. Vì lúc đầu bị can P, H1 không thừa nhận có tham gia gây thương tích cho anh Lê Tấn Q1 và anh Nguyễn Quốc A3 vào ngày 04/4/2015, nhưng bút lục 522, 528 P và H1 thừa nhận có tham gia vào ngày 04/4/2015, tuy nhiên bút lục 1289, 1291, 1295, 1297, P và H1 lại không thừa nhận. Đối với bị can Trần Đình P1 thì lúc không thừa nhận, lúc thừa nhận có tham gia vào ngày 04/4/2015 và một số nội dung khác.*

Tại Kết luận điều tra bổ sung số 11 ngày 09/11/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P3 đề nghị truy tố các bị can: Bùi Văn T2, Dương Văn Th1,

Nguyễn Thanh Th, Nguyễn Hoàng V, Nguyễn Văn L1, Võ Công H2, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Xuân H3, Trần Ngọc N, Nguyễn Văn T, Võ Đăng N1, Nguyễn Thành C, Đỗ Tấn L, Nguyễn Ngọc H4, Hồ Quốc T1, Trần Đình P1, Nguyễn Đức P và Nguyễn Đức H1 về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Ngày 28/11/2016, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P3 ban hành Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, vì những vấn đề nêu tại Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 09/2016/HSST-QĐ của Tòa án nhân dân thành phố P3 chưa được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P3 điều tra đầy đủ.

Tại Kết luận điều tra bổ sung số 32/KLĐT ngày 26/01/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P3 đề nghị truy tố các bị can: Bùi Văn T2, Dương Văn Th1, Nguyễn Thanh Th, Nguyễn Hoàng V, Nguyễn Văn L1, Võ Công H2, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Xuân H3, Trần Ngọc N, Nguyễn Văn T, Võ Đăng N1, Nguyễn Thành C, Đỗ Tấn L, Nguyễn Ngọc H4, Hồ Quốc T1, Trần Đình P1, Nguyễn Đức P và Nguyễn Đức H1, về tội “Cố ý gây thương tích” theo tại khoản 3 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại Cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 09/3/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố P3 truy tố các bị can: Bùi Văn T2, Nguyễn Thanh Th, Dương Văn Th1, Nguyễn Hoàng V, Nguyễn Xuân H3, Trần Ngọc N, Trần Đình P1, Nguyễn Đức P, Nguyễn Đức H1, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Ngọc H4, Đỗ Tấn L, Nguyễn Văn L1, Võ Công H2, Nguyễn Thành C, Hồ Quốc T1 và Võ Đăng N1 về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 122/2017/HS-ST ngày 06/9/2017, Tòa án nhân dân thành phố P3 quyết định: *Tuyên bố các bị cáo: Bùi Văn T2, Nguyễn Thanh Th, Nguyễn Xuân H3, Trần Ngọc N, Trần Đình P1, Dương Văn Th1, Nguyễn Hoàng V, Nguyễn Đức P, Nguyễn Đức H1, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Ngọc H4, Đỗ Tấn L, Nguyễn Văn L1, Võ Công H2, Nguyễn Thành C, Hồ Quốc T1 và Võ Đăng N1 phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.*

+ Áp dụng khoản 3 Điều 104, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, điểm n khoản 1 Điều 48, Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Bùi Văn T2.

+ Áp dụng khoản 3 Điều 104, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Thành C.

+ Áp dụng khoản 3 Điều 104, điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47, Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo: Nguyễn Hoàng V, Nguyễn Thanh M, Võ Công H2, Nguyễn Văn T, Nguyễn Ngọc H4, Võ Đăng N1, Hồ Quốc T1, Nguyễn Văn L1.

+ Áp dụng khoản 3 Điều 104, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47, Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo: Nguyễn Thanh Th, Dương Văn Th1, Trần Ngọc N, Nguyễn Xuân H3.

+ Áp dụng khoản 3 Điều 104, điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47, Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo: Đỗ Tấn L.

+ Áp dụng khoản 3 Điều 104, điểm h khoản 1, 2 Điều 46, Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo: Trần Đình P1, Nguyễn Đức P và Nguyễn Đức H1.

+ Áp dụng thêm Điều 69, Điều 74 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Nguyễn Xuân H3, Trần Ngọc N, Trần Đình P1, Nguyễn Hoàng V, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Ngọc H4, Nguyễn Văn L1, Võ Công H2, Hồ Quốc T1, Võ Đăng N1.

Xử phạt:

- **Bùi Văn T2** 07 (bảy) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/6/2015; **Nguyễn Thành C** 05 (năm) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/12/2015; **Nguyễn Đức P** 05 (năm) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/01/2016; **Nguyễn Đức H1** 05 (năm) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/01/2016; **Trần Đình P1** 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/01/2016; **Nguyễn Thanh Th** 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/11/2016; **Dương Văn Th1** 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/6/2015; **Trần Ngọc N** 03 (ba) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ trước (từ ngày 17/9/2015 đến ngày 26/9/2015); **Đỗ Tấn L** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/01/2016; **Nguyễn Văn T** 03 (ba) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 05/01/2016 đến ngày 03/02/2016; **Nguyễn Văn L1** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/7/2015; **Nguyễn Xuân H3** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/11/2015; **Nguyễn Thanh M** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/6/2015; **Nguyễn Hoàng V** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/6/2015; **Nguyễn Ngọc H4** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 28/12/2015 đến ngày 03/02/2016; **Võ Công H2** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/11/2015; **Hồ Quốc T1** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 30/12/2015 đến ngày 03/02/2016; **Võ Đăng N1** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 29/12/2015 đến ngày 03/02/2016.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 06/9/2017, Nguyễn Đức P kháng cáo không đồng ý với tội “Cố ý gây thương tích”, đề nghị Tòa án Nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét lại vụ án.

- Ngày 06/9/2017, Trần Đình P1 kháng cáo cho rằng vào đêm ngày 04/4/2015, bị cáo không tham gia gây thương tích, do đó không đồng ý tội danh, hình phạt và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét lại vụ án.

- Ngày 07/9/2017, Nguyễn Đức H1 kháng cáo, không đồng ý mức án, tội danh, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét lại vụ án.

- Ngày 07/9/2017, Đỗ Tấn L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 08/9/2017, Nguyễn Thành C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 14/9/2017, Hồ Quốc T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 14/9/2017, Trần Ngọc N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; tại phiên tòa bị cáo bổ sung kháng cáo xin hưởng án treo.

- Ngày 20/9/2017, Nguyễn Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 35/2018/HS-PT ngày 13/8/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại.

- Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 01/KN-HS ngày 24/12/2018, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm, hủy bản án hình sự phúc thẩm nêu trên để xét xử phúc thẩm lại, với lý do:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Trần Đình P1, Nguyễn Đức P và Nguyễn Đức H1 cùng tham gia với 15 bị cáo khác trong sự việc gây thương tích đối với anh Q1 và anh Quốc Anh vào tối ngày 04/4/2015. Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo P1, P và H1 phạm tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tòa án cấp phúc thẩm chưa xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án nhưng đã tuyên hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 122/2017/HSST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố P3 là thiếu căn cứ. Mặt khác, các nội dung Tòa án cấp phúc thẩm yêu cầu điều tra lại là không thể thực hiện trong quá trình điều tra bổ sung và không phải là những chứng cứ cốt lõi, cần thiết để xác định sự thật khách quan của vụ án, cũng như để chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo P1, P và H1.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ngày 03/4/2015, Bùi Văn T2 cùng Nguyễn Thanh Th, Nguyễn Hoàng V, Trần Đình P1, Nguyễn Đức P, Nguyễn Đức H1, Nguyễn Thanh M đem theo hung khí đi tìm thanh niên ở thôn A1, xã A, thành phố P3 để đánh nhưng không tìm được ai. Tiếp tục, ngày 04/4/2015, nhóm của Bùi Văn T2 tập hợp lại, chuẩn bị hung khí đi tìm thanh niên ở A1 để đánh. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, , Bùi Văn T2 cùng Nguyễn Thanh Th, Nguyễn Xuân H3, Trần Ngọc N, Trần Đình P1, Dương Văn Th1, Nguyễn Hoàng V, Nguyễn Đức P, Nguyễn Đức H1, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Ngọc H4, Đỗ Tấn L, Nguyễn Văn L1, Võ Công H2, Nguyễn Thành C, Hồ Quốc T1 và Võ Đăng N1 đến tiệm hớt tóc HY (thôn 01, xã A, thành phố P3); tại đây, T2 dùng mã tấu chém anh Lê Tấn Q1 gây thương tích, hậu quả anh Q1 bị tổn thương cơ thể với tỷ lệ 36%. Sau đó, Bùi Văn T2 cùng các đồng phạm đi đến quán cà phê BM (thôn 02, xã A, thành phố P3) và T2 dùng mã tấu chém anh Nguyễn Quốc A3 gây thương tích, hậu quả anh A3 bị tổn thương cơ thể với tỷ lệ 34%.

Với hành vi phạm tội như nêu trên, Tòa án nhân dân thành phố P3 kết án Bùi Văn T2 và 17 bị cáo khác về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 của bộ luật Hình sự năm 1999. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo kháng cáo và Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

[2]. Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng giám đốc thẩm thấy rằng: Quá trình truy tố và xét xử, các bị cáo Trần Đình P1, Nguyễn Đức P và Nguyễn Đức H1 khai chỉ tham gia cùng với Bùi Văn T2 ngày 03/4/2015, sau đó các bị cáo đi nhậu với bạn, không tham gia, nên không thể là đồng phạm với T2, nhưng lời khai này của các bị cáo có nhiều mâu thuẫn, do đó không có cơ sở để chấp nhận, bởi lẽ: Các bị cáo cho rằng tối ngày 03/4/2015, những người tham gia cùng đi tìm thanh niên ở A1 để đánh gồm có: Nguyễn Thành C, Đỗ Tấn L, Hồ Quốc T1, Nguyễn Ngọc H4, Trần Ngọc N, Bùi Văn T2, Nguyễn Thanh Th, Nguyễn Hoàng V, Nguyễn Xuân H3 và Nguyễn Thanh M. Trên đường đi đến cây xăng A1, có một nhóm thanh niên đứng trong đường hẻm ném đá vào các bị cáo, khi trên đường về đến đoạn cổng chào (gần Công viên văn hóa ĐX) thì nghe có ai nói: *“Công an, chạy nhanh lên”*. Tuy nhiên, Nguyễn Thành C, Đỗ Tấn L, Hồ Quốc T1, Nguyễn Ngọc H4 và Trần Ngọc N thì khai nhận các bị cáo chỉ tham gia gây thương tích tại xã A vào tối ngày 04/4/2015, không phải ngày 03/4/2015. Sau khi chém anh Q1 thì khi đến cây xăng A1, bị ném đá và sau khi chém anh Quốc Anh, trên đường về có nghe tiếng hô: *“Công an, Công an, chạy”* tại gần cổng chào ĐX.

Tại các bản tự khai vào ngày 13/01/2016, ngày 16/3/2016; các biên bản hỏi cung ngày 16/3/2016, ngày 17/3/2016 và ngày 18/3/2016 (đối với Nguyễn Đức H1); các biên bản hỏi cung ngày 04/01/2016, ngày 17/3/2016 (đối với Nguyễn Đức P), thì P và H1 đều khai nhận có cùng tham gia gây thương tích cho anh Q1 và anh Quốc Anh vào ngày 04/4/2015, nhưng do trước đó thấy Trần Ngọc N bị bắt, các bị cáo (P, H1 và Trần Đình P1) đã bàn bạc, thống nhất với nhau việc sau này sẽ khai báo với Cơ quan điều tra là vào ngày 04/4/2015 đi nhậu cùng Đoàn Văn Ch, Trần Xuân H5, Nguyễn Minh H3, Phan Chung T3, Phan Lộc Lâm V và chị Nguyễn Thị Tuyết Nh tại quán cháo vịt của ông Trương Trọng S1 (gần Trường tiểu học NM, phường Tr, thành phố P3) với mục đích để chối tội.

Các lời khai sau này của các bị cáo Trần Đình P1, Nguyễn Đức P và Nguyễn Đức H1 (với mục đích để chối tội) đã phù hợp với lời khai của ông Trương Trọng S1: *“Trong tháng 01/2016 (không nhớ ngày) có người đàn ông tên Hanh đi cùng 01 người đàn ông khác và 01 cháu nhỏ đến phòng trọ của ông và nhờ ông ký xác nhận là tối ngày 04/4/2015, Nguyễn Đức P và Nguyễn Đức H1 có nhậu tại quán cháo vịt của ông. Ông S1 cho rằng, hàng ngày khách ra vào quán của ông nhiều, ông không biết được Trần Đình P1, Nguyễn Đức P và Nguyễn Đức H1 là ai và có đến quán của ông nhậu vào tối ngày 04/4/2015 hay không, nhưng do ông H7 năn nỉ, nhờ ông ký xác nhận giúp, ông thấy thương và nghĩ không có vấn đề gì nên đã ký xác nhận, chứ thực tế thì ông không biết gì cả”*.

Ngoài ra, anh Trần Xuân H5 và anh Phan Lộc Lâm V khai: Các anh làm giấy xác nhận đi nhậu cùng với Trần Đình P1, Nguyễn Đức P và Nguyễn Đức H1 vào ngày 04/4/2015 là vì sau khi P1, P và H1 bị bắt, thì ông Trần Văn Đ1 (là cha của P1) có nhờ làm giấy xác nhận, nhưng do anh H5 và anh V không nhớ ngày nhậu cùng P1, P và Nguyễn Đức H1, nên hỏi lại Nguyễn Minh H3 là nhậu vào ngày nào, thì Nguyễn Minh H3 nói là ngày 04/4/2015, do đó các anh viết giấy xác nhận là ngày 04/4/2015, chứ thực tế thì không nhớ.

Như vậy, giấy xác nhận của ông Trương Trọng S1, của anh Trần Xuân H5, anh Phan Lộc Lâm V thể hiện không chính xác, không phản ánh đúng tình tiết khách quan của vụ án, vì nội dung này có sự tác động từ ông Nguyễn Văn H7 (cha của P, H1) và ông Trần Văn Đ1 (cha của P1). Do đó, không có cơ sở để cho rằng tối ngày 04/4/2015, các bị cáo Trần Đình P1, Nguyễn Đức P và Nguyễn Đức H1 đi nhậu cùng bạn, không tham gây thương tích cùng với Bùi Văn T2.

[3]. Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng: *“Cơ quan điều tra cấp sơ thẩm không truy xuất các số điện thoại di động, không thu thập nội dung các cuộc gọi điện thoại hoặc tin nhắn của các bị cáo để thông tin liên lạc với nhau trong các ngày 03 và 04/4/2015 là thiếu sót và chưa đầy đủ để chứng minh tội phạm”* là không cần thiết, bởi lẽ: Các bị cáo khác đều thừa nhận vào tối ngày 04/4/2015, đã cùng nhau tham gia gây thương tích cho anh Lê Tấn Q1 và anh Nguyễn Quốc A3. Chỉ có các bị cáo Trần Đình P1, Nguyễn Đức P và Nguyễn Đức H1 là không thừa nhận, nên việc truy xuất số điện thoại giữa các bị cáo nhận tội là không cần thiết. Còn đối với 03 bị cáo P1, P và H1, thì bị cáo Trần Ngọc N khai là có gọi điện cho bị cáo P1 vào tối ngày 04/4/2015 rủ đi đánh nhau, bị cáo P1 cũng thừa nhận là N có gọi cho P1 rủ đi đánh nhau nhưng P1 không đi. Do đó, việc N gọi điện thoại cho P1 rủ đi đánh nhau vào tối ngày 04/4/2015 đã được cả hai thừa nhận, còn nội dung cuộc đàm thoại như thế nào, thì việc truy xuất không thể thực hiện được, vì theo quy định của pháp luật, nhà cung cấp dịch vụ viễn thông không có quyền lưu nội dung cuộc đàm thoại.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn cho rằng: *“Không tiến hành thực nghiệm điều tra, dựng lại hiện trường hành trình đi thực hiện tội phạm để xác định chính xác các đối tượng tham gia và phương tiện đi lại của các đối tượng trong quá trình gây án là thiếu sót và chưa đầy đủ để chứng minh tội phạm”*. Nhận định này là không phù hợp, bởi lẽ: Chứng cứ chứng minh tội phạm không chỉ duy nhất là việc thực nghiệm điều tra, dựng lại hiện trường và đây không phải là thủ tục tố tụng bắt buộc. Mặt khác, việc thực nghiệm điều tra, dựng lại hiện trường được tiến hành trên cơ sở lời khai của bị can để kiểm tra, xác minh lại lời khai của bị can có đúng sự thật khách quan không. Trong vụ án này, Trần Đình P1, Nguyễn Đức P và Nguyễn Đức H1 không thừa nhận cùng tham gia gây thương tích vào ngày 04/4/2015, do đó không thể tiến hành thực nghiệm hiện trường quá trình đi thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với nội dung: *“Không tiến hành thực nghiệm điều tra, dựng lại hiện trường tại quán cháo vịt của ông Trương Trọng S1 vào tối ngày 04/4/2015 để xác định thời gian, vị trí các bị cáo Trần Đình P1, Nguyễn Đức P, Nguyễn Đức H1 có cùng Nguyễn Minh H3, Phan Chung T3, Đoàn Văn Ch, Trần Xuân H5, Nguyễn Thị Tuyết Nh và Thư nhậu tại quán cháo vịt anh Trương Trọng S1 gần trường tiểu học NM là thiếu sót và chưa đầy đủ để chứng minh tội phạm”*. Đối với nhận định này, thì giữa lời khai của các bị cáo Trần Đình P1, Nguyễn Đức P và Nguyễn Đức H1 và lời khai của những người làm chứng (Nguyễn Minh H3, Phan Chung T3, Đoàn Văn Ch và Trần Xuân H5) mâu thuẫn với nhau. Quá trình điều tra, những người làm chứng có lúc khai đi nhậu vào ngày 04/4/2015, có lúc khai không nhớ ngày, chỉ nhớ trong tháng 4/2015 có đi nhậu tại quán cháo vịt của ông Trương Trọng S1. Riêng chị Nguyễn Thị Tuyết Nh, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nh vẫn khẳng định trong tháng 4/2015 chỉ đi nhậu cùng với P1, P, H1, T3, Ch, H5 và Minh H3 01 lần

nhưng không nhớ chính xác ngày, chỉ nhớ là nhậu sau ngày sinh nhật của chị Nh (ngày 07/4/2015).

Ngoài ra, lời khai của P1, P và H1 cho rằng tối ngày 04/4/2015 đi nhậu tại quán cháo vịt cùng với bạn, nhưng lời khai của mỗi bị cáo về việc đi cùng với ai từ nhà đến quán cháo vịt?, đi bằng phương tiện gì?, ăn cháo vịt cùng với ai, ai về trước, ai về sau và ai trả tiền? có sự mâu thuẫn, do đó không thể tiến hành dựng lại hiện trường được; mặt khác, yêu cầu nêu trên không đúng quy định pháp luật, vì “Quán cháo vịt của ông Trương Trọng S1” không phải là nơi xảy ra, nơi phát hiện tội phạm, nên không phải là hiện trường của vụ án.

[4]. Đối với nội dung: “*Các Luật sư bào chữa cho các bị cáo P, H1 và gia đình của họ cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm nhật ký Facebook về thời gian tối ngày 04/4/2015 có lên mạng hẹn nhau đi nhậu và xin số điện thoại về sự việc các bị cáo có nhậu với 01 số người bạn tại quán cháo vịt ông S1 là có đi nhậu thật hay không, tình tiết này sau khi có Cáo trạng Tòa án cấp sơ thẩm cũng không trả hồ sơ để điều tra bổ sung để kiểm định chứng cứ này cũng thiếu sót và không đầy đủ*”. Thì thấy: Nhật ký Facebook mà Luật sư bào chữa cho các bị cáo P, H1 và gia đình các bị cáo nộp kèm theo bản luận cứ bào chữa cho Tòa án cấp sơ thẩm và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm là những bản in trên giấy, không đúng với các quy định tại Điều 107 Bộ luật tố tụng Hình sự về thu thập phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử. Mặt khác, nội dung của nhật ký Facebook mà Luật sư Nguyễn Văn H6 cung cấp thể hiện như sau: “*Vào lúc 18 giờ 25 phút, ngày 04/4/2015, nick name Nguyễn Đức P bình luận: kk; đến 22 giờ 12 phút, ngày 04/4/2015, nick name Nguyễn Đức P bình luận: du ger*”. Vì vậy, những nội dung trên không liên quan và không có giá trị chứng minh tối ngày 04/4/2015 các bị cáo Nguyễn Đức P và Nguyễn Đức H1 không tham gia gây thương tích tại xã A, thành phố P3.

[5]. Như vậy, Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 122/2017/HSST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố P3 là chưa xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; đồng thời, các nội dung yêu cầu điều tra lại là không thể thực hiện trong quá trình điều tra bổ sung và không phải là chứng cứ cần thiết để xác định sự thật khách quan của vụ án, cũng như để chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Đình P1, Nguyễn Đức P và Nguyễn Đức H1.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 382; khoản 3 Điều 388; Điều 391 Bộ luật tố tụng Hình sự;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 01/KN-HS ngày 24/12/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 35/2018/HS-PT ngày 13/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để xét xử lại theo đúng quy định pháp luật.

3. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để xét xử phúc thẩm lại theo thủ tục chung.

4. Quyết định của Hội đồng giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
(02 bản kèm hồ sơ vụ án);
- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- TAND thành phố P3;
- VKSND thành phố P3;
- Công an thành phố P3;
- Chi cục THADS thành phố P3;
- Các bị cáo (theo địa chỉ nêu trên);
- Người bị hại (theo địa chỉ nêu trên);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
(theo địa chỉ nêu trên);
- Lưu: Phòng GDKT I (03 bản), HCTP, LTHS.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
KT. CHÁNH ÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Ngọc Hà